

Điểm	Nhận xét
	

Điểm ĐTT	Điểm ĐH	Lớp.....Trường Tiểu học

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG (4 điểm) M1
(GV cho học sinh bốc phiếu kiểm tra đọc thành
tiếng)

**II. ĐỌC HIỂU (6 điểm) (Thời gian làm bài: 40
phút)**

Đọc thầm bài văn sau và thực hiện các yêu cầu dưới đây

Cánh chim báo mùa xuân (TV tập 2 tr 140)

Bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông sống trên bốn ngọn núi. Năm ấy không hiểu vì sao, mùa đông kéo dài lê thê. Muôn loài khổ sở vì rét, bèn cử chim công có sắc đẹp lộng lẫy nhất đi đón nàng tiên mùa xuân. Nhưng đường, gió lạnh, công bị ốm, phải quay về.

Sư tử liền đi thay công. Cậy khỏe, sư tử đi không nghỉ, nhưng rồi đuổi sức dần, không đi tiếp được.

Chim én nói:

- Mẹ cháu ho ngày càng nặng. Không có nắng ấm mùa xuân, mẹ cháu khó qua khỏi.Cháu xin đi !
- Muôn thú đồng ý. Chim én mẹ nhỏ long cánh tết thành chiếc áo choàng cho mẹ. Én con bay mãi, bay mãi, cuối cùng cũng đến chỗ ở của nàng tiên mùa

Bài 2. Con vật nào đã được cử đi đầu tiên?(0,5đ) M1

A. Chim công

B. Chim én

C. Sư tử

D. Lạc đà

Bài 3. Vì sao chim én xin đi đón nàng tiên mùa xuân? 0,5đ) M1

A. Vì chim én biết mình bay nhanh.

B. Vì chim én khỏe hơn công và sư tử.

C. Vì chim én muốn mang nắng sớm về cho mẹ.

D. Vì chim én chạy nhanh

Bài 4 Tìm các từ chỉ hoạt động trong câu dưới đây: (1đ) M2

Én con thấy một chú chim co ro bên lề đường liền cởi áo choàng đắp cho bạn.

Từ chỉ hoạt động là:

.....

Bài 5. Vì sao chim én được chọn làm sứ giả của mùa xuân? (0,5đ) M1

A. Khỏe mạnh và dũng cảm

B. Hiếu thảo và chịu khó

C. Hiếu thảo, nhân hậu và dũng cảm

D. Chim én ngoan ngoãn

Bài 6. Xếp các từ ngữ trong ngoặc đơn vào dòng phù hợp:(1đ) M3

(*Thư viện, thủ thư, đọc, tàu biển, nằm im, băng qua, xe buýt, lạc đà*)

Từ chỉ sự vật :

.....

· Từ chỉ hoạt động.....

Bài 7. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu: (TV2- tập 2 tr 98)

(1đ) M2

Bài 8. Nói lời khen ngợi của em đối với Én con. (1đ) M3

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM

Năm học : 2021 - 2022

MÔN : TIẾNG VIỆT LỚP 2

PHẦN I. Đọc to (4 điểm)

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đạt yêu cầu (1đ)
- Đọc đúng tiếng, từ không sai quá 5 tiếng (1đ)
- Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa (1đ)
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đọc (1đ)

Phần II. Đọc hiểu (6đ)

Bài 1: (0,5 điểm) Khoanh vào A

Bài 2: (0,5 điểm) Khoanh vào A

Bài 3: (0,5 điểm) Khoanh vào C

Bài 4: (1 điểm) Từ chỉ hoạt động: cời ,đắp

Bài 5: (0,5 điểm) Khoanh vào C

Bài 6: (1 điểm) Điền đúng mỗi từ được (0,2 điểm)

Từ chỉ sự vật: Thư viện, thủ thư, tàu biển, xe buýt, lạc đà.

Từ chỉ hoạt động: Đọc ,nằm im, băng qua.

Bài 7: (1 điểm) Nối đúng mỗi từ được 0,25 đ

Bài 8: (1 điểm)

VD: Én con thật là nhân hậu và hiếu thảo.

Ma trận đề kiểm tra học kì I
Môn Tiếng Việt : lớp 2

Mạnh kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
Đọc đoạn văn: đọc đoạn văn trong phiếu đọc và trả lời 1 câu hỏi liên quan đến đoạn văn.	Số câu	1	1		2
	Số điểm	3	1		4
Đọc hiểu văn bản: Xác định được hình ảnh nhân vật, chi tiết trong bài đọc; nêu ý đúng nghĩa chi tiết, hình ảnh trong bài. - Nhận xét đơn giản một số hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc; liên hệ chi tiết trong bài với thực tiễn để rút ra bài học đơn giản	Số câu	2	1	1	4
	Số điểm	1,0	1,0	1,0	3,0
Kiến thức Tiếng Việt: Nhận thức được các từ chỉ hoạt động, sự vật, đặc điểm - Biết cách dùng dấu phẩy, dấu chấm, dấu hỏi. -Đặt được câu theo mẫu: Ai làm gì? Ai là gì?... Tổng	Số câu	2	1	1	4
	Số điểm	1,0	1,0	1,0	3,0
	Số câu	4	3	2	8
	Số điểm	5,0	3,0	2,0	10

